

QUY HOẠCH ĐẤT ĐAI VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI LÀNG NGHỀ NÔNG THÔN VIỆT NAM

Doãn Hồng Nhung^(*)

Môi trường không khí, nước và tiếng ồn tại các làng nghề nông thôn Việt Nam luôn là vấn đề các nhà hoạch định chính sách và pháp luật quan tâm. Khi mà tốc độ đô thị hoá ngày càng tăng cùng với sự phát triển kinh tế trong giai đoạn mới của đất nước đất đai ngày càng sử dụng có hiệu quả. Trước sức ép gia tăng của dân số, các diện tích đất lại không tăng thêm, lượng không khí môi trường mà con người dùng để thở ngày một đậm đặc. Hệ thống lọc không khí và cấp thoát nước thiếu nghiêm trọng. Không khí chỉ còn cách quần chặt vào từng lá phổi của người thợ và dân làng nghề. Trong bài viết này tác giả nêu một số ý kiến của mình về sự tác động của quy hoạch đất đai đối với bảo vệ môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn trong làng nghề nông thôn Việt Nam và đưa ra một số giải pháp bước đầu bảo vệ môi trường sống trong lành cho dân chúng địa phương.

Làng xã Việt Nam có từ thời xa xưa trong lịch sử nước ta. Nó cũng phát triển thăng trầm cùng với quá trình phát triển của dân tộc. Làng xã có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. *“Muốn tìm hiểu lịch sử hình thành dân tộc Việt Nam thì phải tìm hiểu cộng đồng làng xã, và muốn xây dựng lại đất nước Việt Nam thì cũng phải bắt đầu từ việc xây dựng lại làng*

xã. Vì không có làng xã Việt Nam, thì không có quốc gia Việt Nam”[5]. Làng là nơi đồng quê, nhiều gia đình quy tụ thành khu được gọi là xóm. Các xóm được phân biệt với nhau bằng các lũy tre. Trên đường đi vào thường có cổng xây hoặc tre, đến đêm tối có thể đóng lại được để phòng ngừa trộm cướp. Hai ba, bốn hoặc có khi là năm, sáu xóm hợp thành một thôn gọi là làng[3]. Trên đất nước ta, nơi hội tụ làng nghề, phố nghề, chính là tỉnh và thành phố thuộc vùng châu thổ sông Hồng, đồng bằng Bắc bộ, Bắc Trung bộ, và đồng bằng Nam bộ. Khu vực miền núi Bắc Hà và Tây Nguyên cũng có làng nghề nhưng số lượng không nhiều và quy mô sản xuất nhỏ. Làng nghề, (phố nghề do đô thị hoá trong những năm gần đây) làm nghề thủ công truyền thống. Mỗi làng nghề xưa nay, tự nó đã chứa đựng hai yếu tố chủ yếu: truyền thống nghề nghiệp và truyền thống văn hoá. Chúng hoà quyện vào nhau làm nên văn hoá làng nghề truyền thống. Văn hoá làng nghề hội tụ những thuần phong mỹ tục, đoàn kết cộng đồng, tinh hoa nghề nghiệp, tài năng nghề nhân, nếp sinh hoạt quần cư... Việt Nam là đất nước của nền văn minh lúa nước, nền sản xuất cổ truyền, do vậy trình độ phát triển kỹ thuật của mỗi làng nghề đã phản ánh một phần trình độ phát triển của nền văn minh đó.

^(*) ThS, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Việt Nam hôm nay, trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, Đảng và Nhà nước ta luôn trân trọng những giá trị truyền thống, sản phẩm truyền thống từ làng nghề. Tại Hội nghị lần thứ năm của Ban chấp hành trung ương Đảng khoá IX đã ra Nghị quyết về đẩy nhanh Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010. Nghị quyết chỉ rõ việc phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị hoá nông thôn cũng như vạch ra giải pháp về quy hoạch: *“Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn phải đặt trong tổng thể chung của cả nước, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ... Quản lý, cập nhật thông tin và kịp thời điều chỉnh quy hoạch. Chú trọng làm tốt quy hoạch những vùng sản xuất hàng hoá tập trung (cây, con, sản phẩm, ngành nghề...); Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội; quy hoạch phát triển khu dân cư, xây dựng làng xã, thị trấn... giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc”*[4]. Làng nghề, nơi các nghệ nhân có “bàn tay vàng”, những người thợ giàu kinh nghiệm trong làng nghề, phường nghề, tộc nghề, hộ nghề vẫn không ngừng sáng tạo, chế tác những sản phẩm tinh xảo. Họ là những người tâm huyết với nghề, với làng nghề thủ công truyền thống. Họ là những con người tài hoa, bậc thầy truyền nghề cho thế hệ mai sau, kế tiếp gìn giữ nghề cho muôn đời. Chính vì vậy, quy hoạch đất đai cho làng nghề, bảo vệ môi trường cho làng nghề, phát huy văn hoá làng nghề là vấn đề càng trở nên quan trọng, cấp bách hơn bao giờ hết. Trong công cuộc đổi mới của nền kinh tế đất nước, làng nghề cho thấy

sức sống tiềm tàng về lợi ích kinh tế, văn hoá, xã hội. Nhà nước không chỉ quan tâm hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho các cơ sở sản xuất và bảo hộ hàng thủ công xuất khẩu. Bên cạnh đó Nhà nước còn đầu tư kinh phí cho các dự án quy hoạch, nâng cấp làng nghề trọng điểm. Thành phố Hà Nội đang triển khai Dự án Quy hoạch nâng cấp làng nghề gốm Bát Tràng - Vốn đầu tư hàng hàng trăm tỷ đồng. Dự án đã từng bước thay thế các lò củ truyền dùng than và củi bằng hệ thống lò ga, lò điện để nung gốm. Sử dụng công nghệ hiện đại đã cải thiện môi trường của làng nghề. Bên cạnh đó, việc xây kè bờ sông Hồng phía Tây làng Bát Tràng để hạn chế xói lở đã giúp Bát Tràng trở thành làng nghề du lịch hấp dẫn, nổi tiếng trong và ngoài nước. Làng thêu Quất Động, làng chạm khắc gỗ Vạn Diển (Hà Tây), làng chạm khắc gỗ Đồng Kỵ, làng sắt thép Đa Hội, làng giấy Phong Khê (Bắc Ninh), làng gốm Biên Hoà (Đồng Nai), Lái Thiêu (Bình Dương)... đã có vị thế trên thương trường trong nước và quốc tế. Các dự án trong tương lai sẽ được triển khai tại thành phố Hồ Chí Minh như trùng tu phố cổ ở quận Năm, Huế, phố cổ Hội An, Hải Dương, Ninh Bình, Hà Nam, Hưng Yên... đã chứng tỏ trên bình diện kinh tế và xã hội, làng nghề có ý nghĩa quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam. Chính vì vậy, vấn đề quy hoạch đất đai cho làng nghề nông thôn Việt Nam, bảo vệ môi trường cho làng nghề là vấn đề cấp bách.

Mỗi làng nghề thường gắn với một địa danh, nó có vị trí địa lý “độc nhất vô nhị”. Nhà nước cần có biện pháp quy

hoạch đất đai, thi hành các biện pháp bảo vệ môi trường cho các điểm dân cư nông thôn và làng nghề truyền thống nông thôn cần được quy hoạch để *những người dân ở đó yên tâm, duy trì, bảo tồn các giá trị truyền thống*. Những người dân nơi làng quê cần được sống trong môi trường trong lành, có điều kiện sinh hoạt, lao động, sáng tạo tốt hơn.

Như vậy, một không gian làng nghề truyền thống sẽ cho phép làm giàu cảnh quan quy hoạch bởi sự phát hiện của những đặc trưng địa hình của mỗi làng quê Việt Nam. Có quy hoạch đất đai, sự hài hoà giữa địa hình và cảnh quan của làng nghề sẽ nâng cao thẩm mỹ, chất lượng đời sống cho người dân ở đó.

Các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần có sự gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của làng nghề. Cùng với các quy phạm pháp luật về quy hoạch làng nghề nông thôn trong Luật Xây dựng ⁽¹⁾, trong thời gian tới, chúng ta cần ban hành Pháp lệnh về làng nghề nông thôn, Luật về Quy hoạch, Luật Nhà ở... Có như vậy, vấn đề quy hoạch đất đai, xây dựng làng nghề nông thôn mới được đặt trong tổng thể về hoàn thiện pháp luật. Quy hoạch là một lĩnh vực khoa học riêng biệt, đặc thù, nhưng kết tinh trong công trình lại ghi nhận giá trị đặc trưng của nó. *“Để hoà nhập vấn đề môi trường trong phát triển làng nghề truyền thống, ngành xây dựng có vai trò quan trọng trong các giải pháp từ quy hoạch xây dựng nông thôn để giải quyết vệ sinh môi trường. Trước tiên cần*

chú trọng tới quy hoạch chung và cơ sở hạ tầng”[1]. Nhà nước cần tổ chức tốt việc sản xuất, cải tạo nhà xưởng trong làng nghề. Cần có quy hoạch tổng thể để phân bố sắp xếp lại các khu sinh hoạt, sản xuất và tạo dựng cơ sở hạ tầng. Quy hoạch bãi chứa nguyên liệu, nguồn nước, chất thải, hạn chế bụi, tiếng ồn... Bên cạnh đó tăng cường trồng cây, hồ nước, vòi phun nước nhân tạo, thiết bị thu gom bụi, khí độc, nhiễm nhiệt, nhiễm điện từ các lò, hầm nung, nơi sấy sản phẩm từ các làng nghề. Quy hoạch làng nghề nông thôn phải được quy hoạch theo hướng phát triển bền vững, mô hình *làng sinh thái, nhà sinh thái* sẽ cải thiện chất lượng cuộc sống cho bà con nông dân. Đây là nhân tố tạo điều kiện cho làng nghề phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội ở nông thôn Việt Nam.

Việc sử dụng đất để sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm phải tuân theo quy định: “a) Có quyết định cho thuê đất vào mục đích khai thác nguyên liệu hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; b) thực hiện các biện pháp cần thiết để không gây thiệt hại cho sản xuất, đời sống và ảnh hưởng xấu đến môi trường; c) Khi kết thúc việc khai thác nguyên liệu, người sử dụng đất có trách nhiệm trả lại đất đúng với trạng thái được quy định trong hợp đồng thuê đất”⁽²⁾. Khác với sản xuất có tính chất quy mô của nhà máy, xí nghiệp, tại làng nghề đất ở và đất sản xuất không phân

⁽¹⁾ Điểm b Khoản 2 Điều 28 Luật Xây dựng năm 2003

⁽²⁾ Khoản 3 Điều 95 Luật Đất đai năm 2003

biệt. Chính bởi tính chất sản xuất là tiểu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nên ở các hộ nghề trong làng nghề nơi sinh hoạt, ăn ở... cũng đồng thời là cơ sở sản xuất. Nhà ở, bếp, kho chứa nguyên liệu, vật liệu, nơi sản xuất và nơi lưu giữ bảo quản sản phẩm quá gần nhau. Đan xen giữa hai chức năng sản xuất và sinh hoạt làm cho tổ chức cuộc sống trong mỗi gia đình không ổn định. Tiếng ồn, khói, bụi, mùi hoá chất... không những làm ảnh hưởng đến đời sống, sức khoẻ trực tiếp các thành viên trong gia đình mà còn tác động đến cộng đồng xung quanh. Bên cạnh yếu tố tích cực là góp phần làm ra sản phẩm phục vụ đời sống xã hội thì những tồn đọng của các chất phế thải chưa được xử lý triệt để của làng nghề hiện nay đang làm nhiều cấp chính quyền địa phương lúng túng. Để xử lý hậu quả, Nhà nước cần đầu tư nhiều tiền vốn, công sức mới có thể từng bước thay đổi diện mạo của làng nghề.

Như vậy, quy hoạch làng nghề đóng vai trò lớn trong phát triển xây dựng nông thôn Việt Nam. Nó có ý nghĩa kinh tế - văn hoá - xã hội. Quy hoạch giúp cho các vùng, làng xã, thôn xóm, phố phường phát huy thế mạnh về điều kiện tự nhiên, điều kiện địa hình, điều kiện xã hội, sức sáng tạo của mọi tầng lớp dân cư. Làng nghề truyền thống là thực thể vật chất và tinh thần tồn tại. Nó có tính lan toả và sức sống mãnh liệt của nghề thủ công lâu đời của đất nước ta cũng như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Malayxia, Hàn Quốc... Người sử dụng đất có nghĩa vụ *thực hiện các biện pháp bảo vệ đất; tuân theo các quy định về bảo*

vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan⁽³⁾.

Bảo vệ môi trường trong làng nghề, “Một khi làng nghề thủ công có được khu sản xuất tách biệt, có công nghệ xử lý chất thải, thì cấu trúc sinh thái kiến trúc của làng trở về với cấu trúc truyền thống của nhà ở nông thôn, nhưng quy mô lớn hơn”[2]. Chế độ sử dụng đất phi nông nghiệp quy định tại Nghị định số 181 ngày 29 tháng 10 năm 2004 về Đất cụm công nghiệp nhỏ, làng nghề như sau: “1. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chỉ đạo việc lập và xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đồng thời với quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, cụm công nghiệp nhỏ, làng nghề phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất và bảo vệ môi trường.

2. Đất nông nghiệp trong làng nghề truyền thống được ưu tiên sử dụng vào mục đích mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và cơ sở xử lý chất thải; khi chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh, người sử dụng đất được miễn giảm tiền sử dụng đất theo quy định của Chính phủ.

3. Chế độ sử dụng đất trong cụm công nghiệp nhỏ được thực hiện như chế độ sử dụng đất trong khu công nghiệp quy định tại Điều 90 của Luật đất đai và Điều 84 của Nghị định này”⁽⁴⁾

⁽³⁾ Khoản 4 và 5 Điều 107 Luật Đất đai năm 2003.

⁽⁴⁾ Điều 88 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

Pháp luật về bảo vệ môi trường cần quan tâm riêng đối với dân cư, làng nghề đang sinh sống trong loại nhà tạm, nhà thuyền của dân vạ đồ tại đồng bằng sông Cửu Long. Môi trường sống, chất lượng sinh hoạt sẽ được cải thiện một bước khi các hộ dân được chuyển đến sống tại nền vượt lũ như ở Kiên Giang, Đồng Tháp Mười. Những làng nghề truyền thống trạm bạc, kim hoàn, gốm sứ... sẽ sống chung với lũ một cách an toàn và lâu dài. Môi trường sống của dân làng nghề được cải thiện từng bước. Nó làm tiền đề để phát triển kinh tế toàn vùng một cách bền vững.

Đất đai là tặng vật của thiên nhiên trao cho con người. Con người phải có trách nhiệm khai thác, sử dụng đất sao cho hiệu quả nhất, đồng thời cần bảo vệ đất để truyền lại cho các thế hệ mai sau. Huỷ hoại đất là hành vi vi phạm hành chính⁽⁵⁾. Huỷ hoại đất làm suy giảm chất lượng đất hoặc làm biến dạng địa hình gây hậu quả làm cho đất giảm hoặc mất khả năng sử dụng theo mục đích sử dụng đã được xác định thì sẽ bị xử phạt theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 182 ngày 29 tháng 10 năm 2004. Bảo vệ môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn trong làng nghề cần có sự tổ chức kiểm tra định kỳ. Nếu có sai phạm cần phải có chế tài đủ mạnh để trừng phạt, nghiêm trị những hành vi sai trái, gây tổn hại trực tiếp hoặc gián tiếp cho môi trường. Đồng thời cũng phải có quy định biểu dương khen thưởng, động viên kịp thời cho cá nhân, tổ chức, hộ gia đình

làm tốt công tác bảo vệ môi trường. Pháp luật về bảo vệ môi trường cần được tuyên truyền sâu, rộng trong nhân dân nhằm giáo dục ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường. Hạn chế, khắc phục tối đa những thiệt hại khi có sự cố xảy ra. Đây cũng là nhân tố thúc đẩy sản xuất phát triển trong môi trường an toàn và bền vững.

Tóm lại, pháp luật đất đai, pháp luật bảo vệ môi trường có một quan hệ mật thiết với nhau. Nhà nước cần quan tâm đến môi trường sống, chất lượng cuộc sống về vật chất, tinh thần tại làng nghề. Pháp luật về bảo vệ môi trường cần có chế tài đủ mạnh để đảm bảo cho sức khỏe cho nhân dân tại làng nghề, điểm dân cư nông thôn vì đây là một lĩnh vực quản lý của Nhà nước để đảm bảo trật tự chung. Để làm được điều này chúng ta cần lưu tâm đến một số vấn đề sau:

Thứ nhất, Quy hoạch đất để phát triển sản xuất làng nghề nên chăng dựa trên quan điểm lựa chọn vị trí quy hoạch xây dựng điểm sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tại làng nghề. Đây là một giải pháp tạo điều kiện cho sản xuất cho các làng nghề phát triển.

Thứ hai, Mỗi làng nghề có một phương thức tồn tại khác nhau, có cách khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên khác nhau. Do đặc điểm đặc trưng riêng của từng địa phương và ngành nghề truyền thống của từng địa phương nên quy hoạch làng nghề cần khai thác tối đa các yếu tố để có thể cải thiện môi trường sống cho thợ thủ công làm việc tại làng nghề.

⁽⁵⁾ Khoản c Điều 3 Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Thứ ba, Lựa chọn vị trí quy hoạch xây dựng làng nghề cần tính đến các yếu tố về giao thông, điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải... Cần nghiên cứu kỹ lưỡng để sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, khoa học, bền vững và hiệu quả.

Thứ tư, Cần xác định khoảng cách giữa nơi quy hoạch với khu dân cư sao cho vừa thuận lợi cho công việc sản xuất mà không ảnh hưởng đến sinh hoạt, sức khoẻ của các hộ nghề.

Thứ năm, Quy hoạch làng nghề cần thiết kế điểm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp có thể tập trung nhiều hộ gia đình và đồn cơ sở sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp trong một làng hoặc nhiều làng nghề để có thể tận dụng các nguồn lực, các ngành nghề truyền thống ở địa phương, nhằm chuyên môn hoá một số khâu trong quy trình sản xuất thủ công.

Thứ sáu, Quy hoạch làng nghề nông thôn cần thiết kế điểm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp sao cho các cơ sở sản xuất kinh doanh có thể sử dụng chung cơ sở hạ tầng như đường giao thông, trạm điện, nguồn nước, hệ thống xử lý chất thải, cây xanh và hỗ trợ nhau

trong sản xuất, kinh doanh để cùng phát triển làng nghề một cách hài hoà.

Làng nghề cần phải có quy hoạch sử dụng đất trong làng và mỗi làng cần có biện pháp bảo vệ môi trường đặc thù cho mỗi làng nghề, phố nghề. Làng nghề gồm Bát Tràng, phố Ngũ Xã đúc đồng (Hà Nội), làng nghề chạm khắc gỗ Đồng Kỵ (Bắc Ninh), làng nghề gốm và sơn mài Bình Dương, Đồng Nai, phố nghề quanh Bến Thành, đường Đồng Khởi.v.v. là nơi các người thợ tài hoa đã tạo nên các sản phẩm làm đẹp cho cuộc sống con người Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Xưa nay, làng nghề vẫn là nơi hội tụ những tài năng sáng tạo sản phẩm nghệ thuật dân gian. Nơi minh chứng cho sự thịnh đạt, thành danh và giàu có của những người thợ tài hoa. Pháp luật về bảo vệ môi trường cần được xây dựng nhằm bảo vệ môi trường cho dân sống tại làng nghề để bảo vệ các giá trị văn hoá truyền thống, phát triển kinh tế trong thời đại mới. Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn dân. Giữ gìn môi trường sống trong lành, sạch đẹp chính là nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân. Đó chính là một trong những tiền đề xây dựng nhà nước pháp quyền của Dân, do Dân và vì Dân trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Côn, “Môi trường nông thôn tại các làng nghề truyền thống”, *Tạp chí Xây dựng*, Số 5/2002, tr.44.
2. Nguyễn Luận, “Làng sinh thái cho các quần cư nông thôn”, *Tạp chí Kiến trúc*, Số 2(94) 2002, tr.41.

3. Nhất Thanh, Làng xóm, *Sử địa*, Số 17-18, Nhà sách Khai trí, tr. 49 (Làng Việt Nam có 4 loại. Làng nông nghiệp: là làng thuần nông ở miền Bắc hoặc làng vườn ở Nam Bộ; Làng buôn: là làng làm nghề nông có thêm nghề buôn của một số thương nhân chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp; Làng nghề là làng làm nghề nông có thêm nhiều nghề thủ công; Làng chài: là làng của các vạn chài, kẻ chài ở ven sông, ven biển).
4. *Tài liệu nghiên cứu các Nghị quyết Hội nghị lần thứ Năm*, Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IX, NXB Chính trị Quốc gia, H., 2002, tr.106-107.
5. Vũ Đình Hoè, *Hồi ký Thanh Nghị*, NXB Văn học Hà Nội 1997, tr.318 (Vũ Đình Hoè - Cử nhân Luật, nhân vật nổi tiếng của báo Thanh Nghị).

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XXI, N₀3, 2005

THE PLANNING ON LAND WITH THE ENVIRONMENTAL PROTECTION IN DIFFERENT PROFESSIONAL VILLAGES OF VIETNAM RURAL AREAS

MA. Doan Hong Nhung

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi

Formerly and presently, Vietnamese professional villages still are concentrated places of creative talents in regards to folk art products that are place-names to prove the success and famousness and richness of refined talent craftsmen.

The law on environmental protection of the life to inhabitants in professional villages is defending the traditional cultural characters in order to bring into play their creation, especially in the actual market economy.

The environmental protection is cause of the whole people to maintain the live environment in beautiful and clear. This is a necessary condition to improve people's live quality. This is one of premises to build a jurisdictional State of people, from one and for one in the actual period.